

Bản án số: 03/2022/HS-ST
Ngày: 21 - 01 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Diệu

Ông Vũ Văn Đán

Bà Nguyễn Thị Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Mai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14/01/2022 và 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BP mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2021/HS-ST ngày 03/6/202, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-HS ngày 14/6/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1989; tại PT; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 1, khu phố 4, phường QV, thành phố BH, tỉnh ĐN; Chỗ ở: Ô 36B, lô I 48, đường NI 17A, khu phố 1, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD; Nghề nghiệp: Kinh doanh bất động sản; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình, em nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/5/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:**

Luật sư Phạm Quốc L – thuộc Công ty Luật TNHH MTV BP, Đoàn Luật sư tỉnh BP, địa chỉ: Đường N13, khu phố TL, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Bà Lê Thị H, sinh năm 1966, HKTT: Tổ 6, ấp BC, xã AL, huyện PG, tỉnh BD. Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu phố 1, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (có mặt).

2. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1986, địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Phương TR, sinh năm 1986, địa chỉ: Ấp 9, xã MH, huyện CT, tỉnh BP. (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Anh Đỗ Văn CH, sinh năm 1991, địa chỉ: Khu công nghiệp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh TN (vắng mặt).

5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1978, HKTT: xã ĐK, huyện ĐS, tỉnh TH địa chỉ: Số 211F/2, tổ 10, khu phố 1B, phường AP, thành phố TA, tỉnh BD (có mặt).

6. Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu phố 1, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD (có mặt).

7. Ông Lê Sỹ L, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 51/4A, khu phố CL, phường TĐH, thành phố DA, tỉnh BD (có mặt).

8. Bà Phạm Thị Mai H1, sinh năm 1964, địa chỉ: Số 41D, đường số 1, khu chung cư HT1, phường HT, thành phố TD1, tỉnh BD (có mặt).

9. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1970, địa chỉ: Số nhà 356, đường HVL, phường PL, thành phố TDM, tỉnh BD (vắng mặt và có đơn).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Lê Thị Kim H2, sinh năm 1985, địa chỉ: Tổ 12, ấp 1, xã MT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1973, địa chỉ: Tổ 6, khu phố TL, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP.

3. Ông Trịnh Văn B, sinh năm 1974, địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã TT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Anh Cao Văn Th1, sinh năm 1988, địa chỉ: Nhà Trọ QV, khu phố 7, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD (vắng mặt).

5. Ông Lê Thanh Ng, sinh năm 1974 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Phạm Vũ Ngọc Th2, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Chung cư 40 căn, đường Lê Đức T, phường 15, quận GV, Thành phố HCM .

7. Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1981, địa chỉ: Khu phố 2, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh BD (có mặt).

8. Ông Nguyễn Viết Ng1, sinh năm 1966, địa chỉ: Tổ 8, khu phố 4, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt).

9. Bà Trần Thị M, sinh năm 1957, địa chỉ: Ấp CX, xã TB, huyện BTU, tỉnh BD (vắng mặt).

10. Anh Ngô Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt).

11. Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố BQ B, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD.

12. Ông Đinh Trọng H4, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp 4, xã TV TH, huyện BB, tỉnh BD (vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1964, địa chỉ: Đường NE2, khu phố 3, khu phố 3, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD (vắng mặt)

14. Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1987, địa chỉ: Ô 36B, lô I 48, đường NI 17A, khu phố 1, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD (có mặt).

15. Ông Trần Đình H6, sinh năm 1967, địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh BP (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

16. Ông Nguyễn Ngọc Th3, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 26/3, A4, khu phố BD, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD (vắng mặt).

17. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1957, địa chỉ: Ấp 3, xã MT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt).

18. Văn phòng Công chứng CT, địa chỉ: Thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Văn phòng Công chứng BL, địa chỉ: Số 206, khu phố 2, QL 13, thị trấn TK, huyện HQ, tỉnh BP (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

20. Văn phòng Công chứng GK, địa chỉ: Đường NH, khu phố TL, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Bà Trịnh Thị B2, sinh năm 1979, địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, xã TT, huyện CT, tỉnh BP (vắng mặt).

2. Chị Ngô Thị H7, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu phố 3, phường MP, thị xã BC, tỉnh BD (vắng mặt).

3. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1986, địa chỉ: Tổ 19, ấp 4, xã TV TH, huyện BB, tỉnh BD (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019, do cần tiền tiêu xài cá nhân và trả các khoản nợ, Nguyễn Thị M đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể:

1. Vụ thứ nhất:

Ngày 14/3/2019, anh Cao Văn Th1, sinh năm (SN) 1988, trú tại: khu phố 7, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD ký hợp đồng đặt cọc viết tay mua 07 lô đất của vợ chồng bà Phạm Vũ Ngọc Th2, SN 1976 và ông Lê Thanh Ng, SN 1974, cùng trú tại Chung cư 40 căn, đường Lê Đức T, phường 15, quận GV, Thành phố HCM với giá 2,1 tỷ đồng, đặt cọc 150.000.000 đồng. Cùng ngày 14/3/2019, anh Th1 nhận đặt cọc bán lại cho Minh 07 lô đất trên với giá 2.240.000.000 đồng, anh Th1 nhận cọc 150.000.000 đồng. Sau đó Minh nhờ anh Th1 giới thiệu khách để bán lại đất. Thông qua anh Th1, ngày 10/4/2019 Minh nhận đặt cọc và ngày 23/4/2019 ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất số 6, tờ bản đồ số 47, thuộc Lô 19 - Cụm A48 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 47, thuộc Lô 08 - Cụm A48 tại Văn phòng công chứng (VPCC) GK cho bà Hoàn Thị Y, SN 1981, trú tại: Khu phố 2, phường TĐ, thị xã BC, Bình Dương với giá 320.000.000 đồng/lô, bà Y đã trả đủ 640.000.000 đồng cho Minh. Theo thỏa thuận, Minh giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) này để liên hệ các cơ quan chức năng làm thủ tục sang tên cho bà Y. Tuy nhiên, Minh không thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà Y mà nảy sinh ý định thế chấp 02 GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên cho bà Lê Thị H, SN 1966, trú tại: tổ 06, ấp Bào Cừ, xã Long An, huyện Phú Giáo; chỗ ở: tổ 04, khu phố 01, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP để làm tài sản đảm bảo khoản vay 400.000.000 đồng. Do bà H và Minh có quan hệ quen biết, vay mượn tiền từ trước nên tin tưởng và không biết Minh đã ký hợp đồng chuyển nhượng 02 thửa đất này cho bà Y rồi nên bà H vẫn đồng ý nhận thế chấp. Bà H sử dụng 01 GCNQSDĐ thế chấp cho ông Trịnh Văn B, SN 1974, trú tại: Tổ 4, ấp 1, xã TT, huyện CT vay 200.000.000 đồng và thế chấp 01 GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị D, SN 1973, trú tại tổ 06, khu phố TL, thị trấn CT, huyện CT, BP vay 200.000.000 đồng. Sau đó bà H đã đưa cho Minh vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, lãi suất tính theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và phải trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay tiền Minh không đóng lãi cho bà H, cắt liên lạc với bà H.

Khi quá thời gian thỏa thuận, bà Y phát hiện Minh không thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất cho mình nên ngày 13/11/2019, bà Y làm đơn tố cáo Minh về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Chơn Thành. Sau khi biết được 02 GCNQSDĐ nêu trên đã được Minh chuyển nhượng cho bà Y thì ngày 18/02/2020, bà H cũng gửi đơn tố cáo Minh đến Cơ quan CSĐT Công an huyện CT về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

*** Vụ thứ hai:**

Thông qua thủ đoạn gian dối sử dụng hợp đồng ủy quyền và văn bản thỏa thuận mua 02 thửa đất của 02 cá nhân nằm trong diện thu hồi và được đền bù tái định cư của Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex BP để bán các nền đất và nhận tiền. Minh đã ký “Giấy nhận cọc”, “Hợp đồng đặt cọc” cam kết chuyển nhượng 27 nền đất tái định cư dự án Becamex BP trên 02 thửa đất này, cụ thể:

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ số 68 tại ấp 1, xã MT, huyện CT; diện tích là 29817,3m² của bà Trần Thị M, SN 1957, trú tại: ấp CX, xã TB, huyện BTU, tỉnh BD: Ngày 22/7/2019, bà Măng và Minh ký văn bản thỏa thuận tại VPCC BL, nội dung: bà Măng bán cho Minh toàn bộ quyền sử dụng đất, hoa lợi cùng tài sản gắn liền trên đất và quyền được nhận 20 nền tái định cư theo quy hoạch của Công ty Becamex BP, Minh có trách nhiệm thanh toán cho bà Măng thành 03 đợt, đợt 1 vào ngày 20/7/2019 thanh toán 500.000.000 đồng, đợt 2 vào ngày 03/8/2019 thanh toán 1.500.000.000 đồng, đợt 3 vào ngày 05/9/2019 thanh toán số tiền còn lại là 9.330.000.000 đồng. Sau khi thanh toán đủ tiền thì bà Măng sẽ ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho Minh vào ngày 05/9/2019 [BL400-428].

- Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66 tại ấp 1, xã MT, huyện CT của anh Ngô Văn C, SN 1984, trú tại: khu phố BQ, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD: Ngày 22/8/2018, Minh viết giấy tay mua thửa đất trên của anh Châu với giá 4.300.000.000 đồng, đặt cọc 2.000.000.000 đồng, hẹn ngày 27/8/2018 thanh toán đủ và công chứng hợp đồng chuyển nhượng [BL362-379; 380-381].

Minh đã sử dụng văn bản thỏa thuận với bà Măng và giấy mua bán viết tay với anh Châu để ký nhiều “Giấy nhận cọc”, “Hợp đồng đặt cọc” cam kết chuyển nhượng các lô đất nền tái định cư thuộc 02 thửa đất này cho 08 người và nhận tiền cọc, cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1986, trú tại: Khu phố 8, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh BP: Minh cam kết chuyển nhượng cho anh Quảng 06 nền đất tái định cư (5x30m/nền), các bên đã lập giấy biên nhận đặt cọc và hợp đồng đặt cọc vào các ngày 29/7, 30/7, 14/8 và 19/8/2019. Tổng số tiền anh Quảng đã giao cho Minh là 800.000.000 đồng [BL433-437; 488-504].

2. Anh Nguyễn Phương TR, sinh năm 1986, trú tại: Ấp 9, xã MH, huyện CT, tỉnh BP: Minh cam kết chuyển nhượng cho anh Trà 04 nền đất tái định cư (5x30m/nền), các bên đã lập hợp đồng đặt cọc vào các ngày 23/7 và 29/7/2019. Tổng số tiền Minh nhận của anh Trà là 300.000.000 đồng. tháng 9/2019 Minh đã thanh toán lại cho anh Trà số tiền 100.000.000 đồng. [BL438-441; 505-516]

3. Anh Đỗ Văn CH, sinh năm 1991, trú tại: xã PĐ, huyện GD, TN: Ngày 27/7/2019, Minh cam kết chuyển nhượng cho ông Chính 05 nền đất tái định cư (5x30m/nền), các bên lập hợp đồng đặt cọc vào các ngày 27/7, 01/8 và 03/8/2019. Minh đã nhận của anh Chính tổng số tiền là 450.000.000 đồng. Sau đó vào các ngày 5 và 20/9/2019 Minh đã trả lại cho anh Chính số tiền 150.000.000 đồng. [BL442-445;517-531].

4. Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1975, trú tại: Khu phố 1, phường TH, thị xã BC, tỉnh BD: Minh cam kết chuyển nhượng cho ông Thành 03 nền đất (diện tích 5x30m/nền). Các bên lập giấy biên nhận đặt cọc vào các ngày 11/7 và 08/8/2019. Ông Thành đưa cho Minh 02 lần tiền với tổng cộng số tiền là 250.000.000 đồng. [BL446-449;545-554].

5. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1978, trú tại: Khu phố 1B, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh BD: Minh cam kết chuyển nhượng cho ông Tuấn 06 nền đất (5x30m/nền), ông Tuấn đã đặt cọc cho Minh 03 lần với tổng số tiền là 650.000.000 đồng. đến tháng 9/2019, Minh đã trả lại cho ông Tuấn số tiền 100.000.000 đồng. [BL450-453; 538-544]

6. Ông Lê Sỹ L, sinh năm 1967, trú tại: Khu phố CL, phường TĐH, thành phố DA, tỉnh BD: Minh cam kết chuyển nhượng cho ông Lực 01 nền đất tái định cư (5x30m/nền). Minh đã nhận của ông Lực số tiền 150.000.000 đồng, đến tháng 9/2019 Minh đã trả lại cho ông Lực số tiền 100.000.000 đồng. [BL453; 554-559]

7. Bà Phạm Thị Mai H1, sinh năm 1964, trú tại: Phường HT, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh BD: Minh cam kết chuyển nhượng cho bà 14 nền đất tái định cư (5x30m/nền). Bà Hà đã 03 lần đưa tiền cọc cho Minh: Lần 1 là 520.000.000 đồng; lần 2 là 300.000.000 đồng; lần 3 là 200.000.000 đồng. Đến ngày 04/9/2019, Minh tiếp tục tạo niềm tin với bà Hà thông qua việc sử dụng “Phiếu thu” của Công ty Đầu tư và phát triển địa ốc Đại Dương; địa chỉ: phường MP, thị xã BC, BP (có đóng dấu mộc treo của công ty), nội dung: Thu tiền đất Becamex BP của Phạm Thị Mai H1 số tiền 1,5 tỷ đồng; người nộp tiền Phạm Thị Mai H1; người lập phiếu – “KẾ TOÁN TRƯỞNG” Nguyễn Thị M – có đóng dấu mộc đỏ “Đã thu tiền” và đóng dấu mộc của Công ty ở mục “TỔNG GIÁM ĐỐC” nhưng không có chữ ký. Như vậy, tổng số tiền Minh nhận đặt cọc của bà Hà là 2.520.000.000 đồng, đây là số tiền của bà Hà và bà Hoàng Thị T2 cùng góp vốn để làm ăn chung. Trong tháng 9/2019, Minh đã trả lại cho bà Hà số tiền 180.000.000 đồng, còn lại 2.340.000.000 đồng chưa thanh toán. Trong đó của bà Hà và bà Tươi mỗi người có 1.170.000.000 đồng. [BL454-462].

Kết quả xác minh, Công ty Đầu tư và phát triển địa ốc Đại Dương không liên quan đến các nền đất mà Minh cam kết chuyển nhượng cho bà Hà vì đây là thửa đất đứng tên cá nhân bà Trần Thị M và ông Ngô Văn C. Mặt khác,

Minh cũng không cung cấp được chứng từ, tài liệu nào về việc chuyển số tiền này cho Công ty [BL175-179;560-575].

Sau khi đã nhận của 08 bị hại tổng số tiền là 4.420.000.000 đồng, ngày 22/7/2019, tại VPCC BL, sau khi Minh và bà Măng ký hợp đồng hủy bỏ văn bản thỏa thuận trước đó thì bà Măng ký hợp đồng ủy quyền thừa đất trên cho ông Nguyễn Ngọc Th3, SN 1970, trú tại: Khu phố BĐ, phường BH, thành phố TA, tỉnh BD [BL 465-471; 472-483]; ngày 03/11/2020, ông Châu, bà Hiền đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Đinh Trọng H4, SN 1966, trú tại: ấp 04, xã TV TH, huyện BB, tỉnh BD tại VPCC CT [BL 383-386; 387-399; 484-487] Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị M chiếm đoạt của các bị hại Đỗ Thị M, Phạm Viết B3, Nguyễn Trường Sơn Th4, Trần Ngọc Th5 là 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

Sau khi phát hiện Minh đã chuyển nhượng 02 thửa đất mà mình đã đặt cọc mua trước đó thì các bị hại đã làm đơn tố cáo và đòi lại tiền thì Minh đã trả lại cho ông Chính 150.000.000^d, ông Tuấn 100.000.000^d, ông Lực 100.000.000^d, bà Hà 180.000.000^d, ông Trà 100.000.000^d, tổng cộng là 630.000.000^d.

*** Tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án:**

- *Thu giữ của Nguyễn Thị M:* 01 điện thoại di động I phone 8 plus màu hồng, số sim 0702223332, số IMEI: 352978090304818 [BL315].

- *Tài liệu do ông Lê Thanh Ng giao nộp [BL 187-195].*

+ 01 Văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền được công chứng ngày 23/4/2019 tại VPCC GK, số công chứng 00003880, nội dung: bên ủy quyền là ông Lê Thanh Ng và bà Phạm Vũ Ngọc Th2; người đại diện là Nguyễn Thị M; bên được ủy quyền là Hoàn Thị Y, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền ngày 16/4/2019 lập tại VPCC GK (bản chính) [BL 187-188];

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/3/2019 (bản photocopy không công chứng), nội dung: ông Nghĩa, bà Thương chuyển nhượng cho ông Cao Văn Th1 06 thửa đất; người làm chứng Phạm Thị Phụng [BL 189-192].

+ 01 Giấy đề nghị chỉ định người đứng tên hợp đồng chuyển nhượng, ghi ngày 16/4/2019, nội dung: ông Cao Văn Th1 đề nghị ông Nghĩa, bà Thương chỉ định người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đ/v 06 thửa đất ông đặt cọc ngày 14/3/2019, trong đó có thửa đất số 6 và số 7, tờ bản đồ 47 tại ấp 06, Nha Bích, CT [BL 193-195].

- *Tài liệu sao lục tại VPCC GK –bản photocopy có đóng mộc giáp lai của Văn phòng [BL 196-222].*

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, công chứng ngày 23/4/2019, số công chứng 00003881, nội dung: bên chuyển nhượng là ông Nghĩa, bà

Thương; người đại diện là Nguyễn Thị M; nhận chuyển nhượng là Hoàn Thị Y thửa đất số 7 tờ bản đồ 47 tại ấp 06, Nha Bích, CT; diện tích 240m²;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, công chứng ngày 23/4/2019, số công chứng 00003882, nội dung: chuyển nhượng là ông Nghĩa, bà Thương; người đại diện là Nguyễn Thị M; nhận chuyển nhượng là Hoàn Thị Y thửa đất số 6 tờ bản đồ 47 tại ấp 06, Nha Bích, CT; diện tích 240m²;

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 16/4/2019, số công chứng 00005555, nội dung: ông Nghĩa, bà Thương ủy quyền cho Nguyễn Thị M nhân dân mình toàn quyền đối với thửa đất số 6 và số 7, tờ bản đồ 47 tại ấp 06, Nha Bích, CT.

- *Tài liệu sao lục tại VPCC CT –bản photocopy có đóng mộc treo và giấp lai của Văn phòng [BL 223-236].*

+ 01 Hợp đồng vay tiền, công chứng ngày 03/12/2019, số công chứng 024390, nội dung: Lê Thị H cho Nguyễn Thị M vay 600 triệu + Phiếu yêu cầu công chứng là Lê Thị H;

+ 01 Hợp đồng thế chấp QSDĐ, công chứng ngày 03/12/2019, số công chứng 024389, nội dung: bên thế chấp là ông Nghĩa, bà Thương và Nguyễn Thị M thế chấp cho Lê Thị H thửa đất số 7 tờ bản đồ 47 tại ấp 06, Nha Bích, CT; diện tích 240m² để đảm bảo khoản vay 600 triệu

- *Tài liệu thu giữ của ông Nguyễn Gia Đ[BL 175-179].*

- 01 Biên bản thỏa thuận góp vốn ghi ngày 26/02/2019 tại Văn phòng Công ty cổ phần địa ốc City Land Đông Nam Bộ; giữa bên nhận tài sản góp vốn là ông Nguyễn Gia Đ – Thành viên HĐQT làm đại diện; bên góp vốn là Nguyễn Thị M, góp vốn cùng kinh doanh 300 triệu, lần 1 23/02/2019 là 100 triệu; lần 2 ngày 26/02/2019 là 100 triệu..(bản chính);

+ 01 GCNQSDĐ số CP 75444988, số vào sổ CS 01880 đứng tên Đoàn Thị Nụ (bản photocopy);

- *Tài liệu thu giữ của ông Nguyễn Văn Ngo (Sáu tời)- bản photocopy [BL 180-182]:*01 giấy vay tiền (không ghi ngày), nội dung: Lê Thị H có vay ông Ngọc 200 triệu.

- *Tài liệu thu giữ của bà Lê Thị H- bản gốc [BL 241-248; 265-271]:*

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 18/12/2019, bên chuyển nhượng là Tôn Đức H, bên nhận chuyển nhượng là Võ Thành Đạt [BL 265-269];

+ 01 Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/12/2019, bên chuyển nhượng là Tôn Đức H, bên nhận chuyển nhượng là Lê Thị H [BL 270-271];

+ 01 Giấy ủy quyền đề ngày 18/4/2019, người vay tiền là Nguyễn Thị M, có ký tên, điểm chỉ mực đỏ;

+ 01 Giấy vay tiền đề ngày 14/6/2019 có ký tên, điểm chỉ mực đỏ tên Nguyễn Thị M;

+ 01 tờ giấy đề ngày 19/6/2019, nội dung đổi lại sổ thửa đất 233 tờ bản đồ 18 ấp Thủ Chánh, xã TT, CT lấy sổ cũ lô 29A block I48 phường TH, Bến Cát, Bình Dương, ký tên Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy ủy quyền đề ngày 17/4/2019 có ký tên, điểm chỉ Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy ủy quyền đề ngày 25/8/2019 có ký tên, điểm chỉ Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy vay tiền đề ngày 27/9/2019 có ký Nguyễn Thị M;

- Ngày 28/8/2020, Công an huyện CT lập biên bản thu giữ và lập biên bản trả lại 01 máy tính (laptop) nhãn hiệu Dell màu đen; 01 cục sạc; 01 chuột – tình trạng máy hoạt động bình thường cho bà Nguyễn Thị B1 [BL 255-256], sau khi đã lập biên bản kiểm tra máy tính (laptop) [BL257-259].q

- *Tài liệu thu giữ của bà Nguyễn Thị B1- bản gốc [BL 380-382]:*

+ 01 tờ giấy ghi ngày 22/8/2019, thể hiện ông Ngô Văn C bán cho Nguyễn Thị M thửa đất tờ bản đồ 66 diện tích 12310,1; giá 4.300.000.000^d; ông Châu đã nhận tiền cọc 02 tỷ đồng; số còn lại hẹn tới ngày 27/8/2019 thanh toán số còn lại; có chữ ký, lấn tay của bên bán là ông Châu và bên mua là Minh;

+ 01 giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 27/7/2019 (liên 2) thể hiện việc Nguyễn Thị H có nhận tiền cọc của Đỗ Văn CH và cam kết chuyển nhượng lô 68, thửa 15, tờ bản đồ 68 có GCNQSDĐ số 3K3462 cấp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; diện tích 300m²; giá 700 triệu; nhận tiền ngày 27/7/2019 là 200 triệu; có chữ ký của bà Hoàn và ông Chính.

- *Tài liệu thu giữ tại Văn phòng công chứng CT – đều là tài liệu photo có công chứng [BL383-399]:*

+ 01 Hợp đồng ủy quyền ghi ngày 12/9/2019, số công chứng 017507, nội dung: ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị H3 ủy quyền cho ông Đinh Trọng H4 được định đoạt thửa đất có số BX 690015, số vào sổ CH-01944 do UBND huyện CT cấp ngày 30/11/2015 cho ông Ngô Văn C;

+ 01 Văn bản thanh lý hợp đồng ủy quyền ghi ngày 03/11/2020, số công chứng 021680, thanh lý hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2019;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 03/11/2020, số công chứng 021681, nội dung: ông Châu, bà Hiền chuyển nhượng thửa đất

có số BX 690015, số vào sổ CH-01944 do UBND huyện CT cấp ngày 30/11/2015 cho ông Ngô Văn C cho ông Huấn;

+ 01 GCNQSDĐ số BX 690015, số vào sổ CH-01944 do UBND huyện CT cấp ngày 30/11/2015 cho ông Ngô Văn C và sổ hộ khẩu của ông Đinh Trọng H4 và Nguyễn Thị H3.

- *Tài liệu thu giữ tại Văn phòng công chứng BL – đều là tài liệu phô tô có đóng dấu treo của Văn phòng công chứng [BL400-428]:*

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 20/7/2019, số công chứng 2513 có nội dung: Bà Trần Thị M ủy quyền cho Nguyễn Thị M được toàn quyền định đoạt các công việc liên quan, hưởng thụ toàn bộ quyền lợi, chính sách về thu hồi đất, nhận tiền bồi thường, nhận đất tái định cư (nếu nhà nước có quy hoạch)...;

+ 01 Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 22/7/2019, số công chứng 2518;

+ 01 Văn bản thỏa thuận công chứng ngày 22/7/2019, số công chứng 2520, nội dung: bà Măng chuyển nhượng cho Minh thửa đất có GCNQSDĐ BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT (đất nằm trong quy hoạch giải tỏa đền bù); bà Măng bán cho Minh giá 11.330.000.000^d, đợt 1 thanh toán 500 triệu ngày 20/7/2019; đợt 2 1,5 tỷ ngày 02/8/2019 và đợt 3 9.330.000.000^d ngày 05/9/2019 và ký HĐ sang nhượng hoặc ủy quyền tại VPCC...;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 14/9/2019, số công chứng 3202; nội dung: bà Măng chuyển nhượng thửa đất có GCNQSDĐ BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT cho ông Nguyễn Ngọc Th3 giá 11.330.000.000^d; kèm theo sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân 02 bên và Giấy chứng nhận QSDĐ số BK 346265.

Tài liệu thu giữ của ông Nguyễn Xuân Q- bản gốc [BL 433-437]:

+ 01 giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 29/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng 02 phiếu có GCNQSDĐ số BK346265 cấp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; ký hiệu lô đất CS 03144, thửa 15 tờ bản đồ 68 diện tích 300m²; giá 700 triệu; nhận tiền ngày 29/7/2019 là 200 triệu; có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D.

+ 01 giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 30/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng GCNQSDĐ số BK346265 cấp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa 15 tờ bản đồ 68; diện tích 300m²; giá 700 triệu; nhận tiền ngày 30/7/2019 là 200 triệu; có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng GCNQSDĐ số BK346265 đứng tên Trần Thị M; thửa 15 tờ bản đồ 68; diện tích 150m²; giá 350 triệu; nhận tiền ngày 14/8/2019 là 350 triệu; có dòng chữ “xuống dứt luôn một nền luôn không cọc” có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 19/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng GCNQSDĐ số SC03144 áp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa 15 tờ bản đồ 68; diện tích 150m²; giá 400 triệu; nhận tiền ngày 19/8/2019 là 100 triệu; có dòng chữ “xuống dứt luôn một nền luôn không cọc” có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D.

- *Tài liệu thu giữ của Nguyễn Phương TR- bản gốc [BL 438-441]:*

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 29/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Phương TR; Minh cam kết chuyển nhượng thửa 15 tờ bản đồ 68, diện tích 29817,3m² (02 phiếu); giá 820 triệu; nhận tiền ngày 23/7/2019 là 100 triệu; có chữ ký của Minh, Trà.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 29/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Phương TR; Minh cam kết chuyển nhượng thửa 15 tờ bản đồ 68, diện tích 29817,3m² (02 phiếu); giá 760 triệu; nhận tiền ngày 29/7/2019 là 100 triệu; 30/7/2019 nhận 100 triệu; có chữ ký của Minh, Trà.

+ 01 giấy hẹn nợ “Hợp đồng bán đất” do Minh viết có nội dung Minh bán cho ông Trà 04 nền TĐC becamex, Trà đã đặt cọc tổng số tiền 300 triệu...hẹn ngày công chứng là 05/9/2019 nhưng Minh không ký được công chứng, thỏa thuận 30/9/2019 Minh hoàn lại 300 triệu cho Trà.

- *Tài liệu thu giữ của Đỗ Văn CH - bản gốc [BL 442-445]:*

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Đỗ Văn CH; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944 cấp ngày 30/11/2015 đứng tên Ngô Văn C; thửa đất số 41, tờ bản đồ 66, diện tích: 12310,1m² (01 phiếu 5x30=150m²); giá 370 triệu; nhận tiền ngày 03/8/2019 là 100 triệu; có chữ ký của Minh, Chính và người làm chứng Phạm Văn D; mặt sau có ghi chữ viết tay “ngày 12/08/2019. Do bên chủ gặp trục trặc nên xin dời lại ngày ký đến ngày 14/8/2019. Nếu đến hết ngày 14/8/2019 bên bán không hoàn thành thủ tục chứng được thì bên bán phải chịu trách nhiệm theo hợp đồng cọc” – chữ ký và tên Nguyễn Thị M.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc (không ghi ngày); bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Đỗ Văn CH; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944 cấp ngày 30/11/2015 đứng tên Ngô Văn C; thửa đất số 41, tờ bản đồ 66, diện

tích: 02 phiếu (5x30); giá 740 triệu; nhận tiền ngày 01/8/2019 là 150 triệu; có chữ ký của Minh, Chính và người làm chứng Nguyễn Xuân Q.

+ 01 “Giấy cam kết thanh toán tiền” có nội dung Minh có nhận của anh Chính tiền cọc 04 phiếu TĐC Becamex CT; số tiền cọc 350 triệu..., thỏa thuận trả lại 350 triệu tiền cọc và bồi thường 200 triệu tiền cọc; cam kết trả lại hết vào ngày 28/9/2019;

- *Tài liệu thu giữ của Bùi Văn Th - bản gốc [BL 446-449]:*

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 11/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Bùi Văn Th; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01781 cấp ngày 03/9/2015; thửa đất số 18, tờ bản đồ 68, diện tích: 02 phiếu=300m² tại ấp 01, xã MT, CT,BP; giá 860 triệu; nhận tiền ngày 11/7/2019 là 80 triệu; có chữ ký của Minh, Thành và dòng chữ “cọc chết”;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 08/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Bùi Văn Th; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944 cấp ngày 30/11/2015 đứng tên Ngô Văn C; thửa đất số 41, tờ bản đồ 66, diện tích: 01 phiếu=150m²); giá 430 triệu; nhận tiền ngày 08/8/2019 là 50 triệu; có chữ ký của Minh, Thành.

+ 01 “Giấy cam kết” ghi ngày 20/9/2019, có nội dung: ngày 11/7/2019 Minh có bán cho Thành 03 lô đất tổng diện tích 450m²: Thửa 18, tờ bản đồ 68 (02 phiếu); thửa 41 tờ bản đồ 66 (01 phiếu), tổng tiền cọc như trong giấy cọc. Minh cam kết bàn giao 03 lô đất trên cho Thành ký bàn giao tại Phòng công chứng CT ngày 05/10/2019...;

- *Tài liệu thu giữ của Lê Văn T1 - bản gốc [BL 450-453]:*

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 04/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Lê Văn T1; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ BK346265 cấp ngày 05/7/2019; thửa đất số 15, tờ bản đồ 68, diện tích 150m² TĐC Becamex BP; giá 380 triệu; nhận tiền ngày 04/8/2019 là 150 triệu; có chữ ký của Minh, Tuấn và người làm chứng Phạm Văn D;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 14/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Lê Văn T1; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944, tờ bản đồ 66, diện tích: 600m² tại ấp 01, xã MT, CT; giá 1,4 tỷ; nhận lần 1 ngày 14/8/2019 là 400 triệu; có chữ ký của Minh và Tuấn.

+ 01 “Giấy xin đền cọc” ghi ngày 10/9/2019, có nội dung: Minh có bán cho Tuấn 03 nền đất tại ấp 01, xã MT, CT, ngày 05/9/2019 phải công chứng tại VPCC CT nhưng Minh không có đất để sang tên công chứng 03 nền đất trên nên Minh xin trả lại tiền cọc 400 triệu –Lê Sỹ L 01 nền, Tuấn 02 nền...có chữ ký của Minh, người làm chứng Ngô Thị H7 và người bảo lãnh trả số tiền trên là Nguyễn Thị H (mẹ Minh); mặt bên cạnh tờ giấy có ghi nội dung ngày

10/10/2019 Minh trả cho Lực 200 triệu, còn lại 200 triệu thanh toán nốt ngày 18/10/2019...

- *Tài liệu thu giữ của Phạm Thị Mai H1 - bản gốc [BL 454-462]:*

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 04/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 06 phiếu của GCNQSDD CH00977 cấp ngày 05/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa đất số 15, tờ bản đồ 68 tại 01, xã MT, CT; diện tích 900m²; giá 2.220.000.000^d; nhận tiền ngày 04/8/2019 là 200 triệu; lần 2 ngày 05/8/2019 là 320 triệu...có chữ ký của Minh và Hà;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 05/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 02 phiếu của GCNQSDD CH00977 cấp ngày 05/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa đất số 15, tờ bản đồ 08 tại 01, xã MT, CT; diện tích 300m²; giá 740.000.000^d; nhận tiền ngày 05/8/2019 là 300 triệu; ...có chữ ký của Minh, Hà và người làm chứng Hoàng Thị T2;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 09/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 02 phiếu của GCNQSDD CH01781 cấp ngày 03/9/2015; thửa đất số 18, tờ bản đồ 68 tại 01, xã MT, CT; diện tích 300m²; giá 700.000.000^d; nhận tiền ngày 09/8/2019 là 200 triệu; ...có chữ ký của Minh và Hà;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 17/11/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Hoàng Thị T2; Minh cam kết chuyển nhượng 01 nền TĐC Becamex, tờ bản đồ Bloc AB3, diện tích: 150m² tại ấp 04, xã MT, CT (Bùi Thị Hồng L, SN 1992 tại Hòa Bình ký chuyển nhượng sang cho Tươi); giá 600 triệu, nhận lần 1 ngày 17/11/2019 là 600 triệu; có chữ ký của Minh, Tươi và người làm chứng Lê Công Th6.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 17/11/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 01 nền TĐC Becamex, tờ bản đồ Bloc AB3, diện tích: 150m² đường N13B tại ấp 04, xã MT, CT (Bùi Thị Hồng Linh, SN 1992 tại Hòa Bình ký chuyển nhượng sang cho Hà); giá 600 triệu, nhận lần 1 ngày 17/11/2019 là 600 triệu; có chữ ký của Minh, Hà và người làm chứng Lê Công Th6.

+ 01 “Phiếu thu” ghi ngày 04/9/2019 của Công ty Đầu tư và phát triển địa ốc Đại Dương; địa chỉ: phường MP, thị xã BC, BP (có đóng dấu mộc treo của công ty), nội dung: Thu tiền đất Becamex BP của Phạm Thị Mai H1 số tiền 1,5 tỷ đồng; người nộp tiền Phạm Thị Mai H1; người lập phiếu – Kế toán

trưởng Nguyễn Thị M –đóng dấu mộc đỏ “Đã thu tiền” và đóng dấu mộc của Công ty ở mục Tổng giám đốc (không có chữ ký);

+ 01 “Giấy mượn tiền” ghi ngày 07/9/2019, có nội dung: Minh có mượn của Phạm Thị Mai H1 và Hoàng Thị T2 số tiền 2.520.000.000^d....

+ 01 “Giấy xác nhận nợ” ghi ngày 29/9/2019, nội dung: Minh xác định còn nợ bà Hà tổng số tiền 2.340.000.000^d....

- *Tài liệu thu giữ tại Văn phòng công chứng BL – đều là tài liệu phô tô có đóng dấu mộc treo của Văn phòng công chứng [BL465-471]:*

+ 01 Hợp đồng hủy bỏ văn bản thỏa thuận có công chứng ngày 14/9/2019, số công chứng 3201, nội dung: Bà Trần Thị M và Nguyễn Thị M hủy bỏ Văn bản thỏa thuận số 2520 ký công chứng ngày 22/7/2019 ...;

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 14/9/2019, số công chứng 3203, nội dung: bà Măng ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Th3 được thay mặt bà Măng được toàn quyền đối với thửa đất có GCNQSDĐ BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT;

- *Tài liệu thu giữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CT – đều là tài liệu phô tô có đóng dấu mộc treo của Văn phòng [BL472-485]:*

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng ngày 02/7/2020 tại VPCC GK, số công chứng 00008476, nội dung: Bên chuyển nhượng là Trần Thị M, người đại diện là Nguyễn Ngọc Th3, chuyển nhượng cho ông Trương Quang Hồ thửa đất có GCNQSDĐ BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT;

+ 01 Giấy ủy quyền công chứng ngày 02/7/2020 tại VPCC GK, số công chứng 00008478, nội dung: ông Trương Quang Hồ ủy quyền cho bà Lê Thị Thu Hà được thay mặt ông Hồ liên hệ các cơ quan chức năng hoàn tất thủ tục kê khai, nộp thuế.... đối với thửa đất có GCNQSDĐ BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT (không có chữ ký của người được ủy quyền);

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 14/9/2019 tại VPCC BL, số công chứng 3203, nội dung: bà Măng ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc Th3 được thay mặt bà Măng được toàn quyền đối với thửa đất có GCNQSDĐ BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT;

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 346265, số vào sổ CS 03144, thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, CT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BP cấp cho bà Trần Thị M ngày 05/7/2019;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có công chứng ngày 03/11/2020 tại VPCC CT, số công chứng 021681, nội dung: ông Ngô Văn C và Nguyễn Thị H3 chuyển nhượng cho ông Đinh Trọng H4 thửa đất có GCNQSDĐ BX 690015, số vào sổ CH-01944, thửa đất 41, tờ bản đồ 66; diện tích 12310.1m² tại ấp 01, xã MT, CT; giá 100 triệu.

+ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 690015, số vào sổ CH-01944, thửa đất 41, tờ bản đồ 66; diện tích 12310.1m² tại ấp 01, xã MT, CT.

Tại Kết luận giám định số 18 ngày 03/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BP kết luận: Chữ ký và chữ viết ghi tên “Nguyễn Thị M” trên tài liệu cần giám định là do Nguyễn Thị M viết ra;

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P1 ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo. Sau khi phân tích tính chất mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 12 đến 13 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể:

- Bà Lê Thị H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)
- Anh Nguyễn Xuân Q số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng)
- Ông Bùi Văn Th số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Ông Lê Văn T1 số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng)
- Anh Nguyễn Phương TR số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Anh Đỗ Văn CH số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Ông Lê Sỹ L số tiền 50.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)
- Bà Phạm Thị Mai H1 số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng)
- Bà Hoàng Thị T2 số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của các bị hại bà Lê Thị H, anh Nguyễn Xuân Q, ông Bùi Văn Th, ông Lê Văn T1, anh Nguyễn Phương TR, anh Đỗ Văn CH, ông Lê Sỹ L, bà Phạm Thị Mai H1 và bà Hoàng Thị T2.

Về xử lý vật chứng: đề nghị HĐXX tuyên lưu hồ sơ những giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc phạm tội của bị cáo đã thu giữ được từ cá nhân, tổ chức liên quan; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 8 plus màu hồng, số sim 0702223332, số IMEI: 352978090304818 là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với việc bà Hoàn Thị Y tố cáo Nguyễn Thị M sử dụng 02 GCNQSDĐ của mình thế chấp cho bà Lê Thị H vay tiền: việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Yến với Minh là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu phạm tội cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự, bà Yến có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Quan điểm Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư đồng ý với tội danh truy tố đối với bị cáo của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh. Về tình tiết tăng nặng và hình phạt, luật sư cho rằng việc áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” là chưa phù hợp, do cơ quan tố tụng đã tính tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt để truy tố, xét xử bị cáo theo tình tiết định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên”; mức hình phạt VKS đề xuất là cao. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo mức án 08- 09 năm tù.

- Những người bị hại đề nghị HĐXX căn cứ các quy định của pháp luật để tuyên phạt bị cáo còn về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo phải trả lại các khoản tiền đã chiếm đoạt.

- Bị cáo Nguyễn Thị M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh BP, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong vụ án để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm các bị hại anh Nguyễn Xuân Q, anh Đỗ Văn CH vắng mặt, anh Nguyễn Phương TR, bà Hoàng Thị T2 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị B1, chị Hoàn Thị Y có mặt tại phiên tòa còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, những người tham gia tố tụng trên vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã lấy đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ cũng không trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Minh khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với vật chứng của vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 16/4/2019, bị cáo Minh được vợ chồng ông Lê Thanh Ng, bà Phạm Vũ Ngọc Th2 ủy quyền được thay mặt, nhân danh ông Nghĩa bà Thương thực hiện các quyền của người sử dụng đất: quản lý, sử dụng, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, cầm cố đối với hai thửa đất: thửa đất số 6, tờ bản đồ số 47, thuộc Lô 19 - Cụm A48 và thửa đất số 7, tờ bản đồ số 47, thuộc Lô 08 - Cụm A48 tọa lạc tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT, tỉnh BP. Ngày 23/4/2019, Nguyễn Thị M ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Hoàn Thị Y 02 thửa đất trên tại Văn phòng công chứng GK và đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng 640.000.000 đồng. Tuy nhiên, Minh không làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà Yến theo thỏa thuận mà dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng 02 GCNQSDĐ của 02 thửa đất nêu trên làm tài sản thế chấp để vay của bà Lê Thị H số tiền 400.000.000 đồng. Do tin tưởng và không biết việc Minh đã chuyển nhượng 02 thửa đất này nên bà Hồng đã đồng ý nhận thế chấp, đồng thời bà Hồng đã sử dụng 02 GCNQSDĐ này thế chấp lại cho bà Phạm Thị D và ông Trịnh Văn B để vay tiền đưa cho Minh. Sau khi nhận tiền, Minh không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, cắt liên lạc với bà Hồng và chiếm đoạt của bà Hồng số tiền 400.000.000 đồng.

Ngoài ra, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 9/2019, Minh nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các bị hại

thông qua thủ đoạn gian dối: sử dụng hợp đồng ủy quyền và văn bản thỏa thuận đặt cọc mua 02 thửa đất thuộc diện thu hồi và được đền bù tái định cư của Công ty Becamex BP của bà Trần Thị M và anh Ngô Văn C để ký nhiều giấy biên nhận tiền đặt cọc, hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng các diện tích đất tái định cư nằm trong 02 thửa đất trên với 08 người và nhận tiền đặt cọc mua đất. Tuy nhiên, sau khi nhận tổng số tiền cọc là 5.520.000.000 đồng của 08 bị hại (gồm các anh chị Quảng, Chính, Trà, Tuấn, Thành, Lực, Hà, Tươi) Minh không thanh toán đủ tiền cho các chủ sở hữu đất là bà Măng và anh Châu để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho 08 bị hại đã nhận cọc mà giới thiệu ông Nguyễn Ngọc Th3 và ông Đinh Trọng H4 mua lại đất của bà Măng, anh Châu rồi cùng bà Măng, anh Châu đến các Văn phòng công chứng để ký hủy bỏ văn bản thỏa thuận và thanh lý hợp đồng ủy quyền trước đó với bà Măng, anh Châu để bà Măng ký hợp đồng ủy quyền định đoạt thửa đất của mình cho ông Thao, anh Châu ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất của mình cho ông Huấn.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc thực hiện hành vi gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, xem thường pháp luật, do vậy hành vi của bị cáo cần phải xét xử bằng một mức án nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và các lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; sau khi chiếm đoạt đã bồi thường một phần số tiền chiếm đoạt cho anh Chính 150 triệu đồng, anh Tuấn 100 triệu đồng, anh Lực 100 triệu đồng, anh Trà 100 triệu đồng, bà Hà 90 triệu đồng và bà Tươi 90 triệu đồng (tổng cộng 630 triệu đồng). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể: bà Lê Thị H 400.000.000 đồng; anh Nguyễn Xuân Q 800.000.000 đồng; anh Bùi Văn Th 250.000.000 đồng; anh Lê Văn T1 550.000.000 đồng; anh Nguyễn Phương TR 200.000.000 đồng; anh Đỗ Văn CH 300.000.000 đồng; ông Lê Sỹ L 50.000.000 đồng; bà Phạm Thị Mai H1 1.170.000.000 đồng; bà Hoàng Thị T2 1.170.000.000 đồng, tổng cộng 4.890.000.000 đồng; các bị hại yêu cầu bị cáo phải trả tiền lãi suất theo quy định.

Xét việc bị cáo chiếm đoạt số tiền trên của các bị hại là trái pháp luật nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho các bị hại. Đối với yêu cầu tính lãi suất trên số tiền chiếm đoạt của các bị hại là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, những tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án theo các Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động I phone 8 plus màu hồng, số sim 0702223332, số IMEI: 352978090304818 thu giữ của bị cáo. Đây là tài sản cá nhân của bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với việc bà Hoàn Thị Y tố cáo Nguyễn Thị M sử dụng 02 GCNQSDĐ của mình thế chấp cho bà Lê Thị H vay tiền: Xét thấy việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà Yến với Minh là giao dịch dân sự, do các bên tự nguyện thỏa thuận, việc Minh không thực hiện thủ tục sang tên cho bà Yến là vi phạm cam kết trong hợp đồng, không có dấu hiệu phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ. Bà Yến có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[9] Đối với các khoản tiền vay, mượn tiền giữa bị cáo Minh và bà Lê Thị H vào các ngày 17/4/2019, 18/4/2019, 14/6/2019, 19/6/2019, 25/8/2019, 03/12/2019, kết quả điều tra không có chứng cứ chứng minh bị cáo có hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa về tình tiết giảm nhẹ được chấp nhận; quan điểm cho rằng việc áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” là chưa phù hợp của luật sư không được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo phải chịu: 112.000.000 đồng x 0,1% (4.890.000.000 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 120.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M **12** (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là ngày 12/5/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

- Bà Lê Thị H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng)
- Anh Nguyễn Xuân Q số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng)
- Ông Bùi Văn Th số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Ông Lê Văn T1 số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng)
- Anh Nguyễn Phương TR số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)
- Anh Đỗ Văn CH số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)
- Ông Lê Sỹ L số tiền 50.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)
- Bà Phạm Thị Mai H1 số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng)
- Bà Hoàng Thị T2 số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của các bị hại bà Lê Thị H, anh Nguyễn Xuân Q, ông Bùi Văn Th, ông Lê Văn T1, anh Nguyễn Phương TR, anh Đỗ Văn CH, ông Lê Sỹ L, bà Phạm Thị Mai H1 và bà Hoàng Thị T2.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án các tài liệu, vật chứng gồm:

+ 01 Văn bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 23/4/2019 tại VPCC GK, số công chứng 00003880, nội dung: bên ủy quyền là ông Lê Thanh Ng và bà Phạm Vũ Ngọc Th2; người đại diện là Nguyễn Thị M; bên được ủy quyền là Hoàn Thị Y, thỏa thuận chấm dứt hợp đồng ủy quyền ngày 17/4/2019 lập tại VPCC GK (bản chính);

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/3/2019 (bản photo), nội dung: ông Nghĩa, bà Thương chuyển nhượng cho ông Cao Văn Th1 07 thửa đất; người làm chứng Phạm Thị Phụng;

+ 01 Giấy đề nghị chỉ định người đứng tên hợp đồng chuyển nhượng, ghi ngày 16/4/2019, nội dung: ông Cao Văn Th1 đề nghị ông Nghĩa, bà Thương chỉ định người đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đ/v 07 thửa đất ông đặt cọc ngày 14/3/2019, trong đó có thửa đất số 6 và số 7, tờ bản đồ 47 tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT.

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, công chứng ngày 23/4/2019, số 00003881, nội dung: bên chuyển nhượng là ông Nghĩa, bà Thương; người đại diện là Nguyễn Thị M; nhận chuyển nhượng là Hoàn Thị Y thửa đất số 7 tờ bản đồ 47 tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT; diện tích 240m², giá 20 triệu đồng;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, công chứng ngày 23/4/2019, số 00003882, nội dung: bên chuyển nhượng là ông Nghĩa, bà Thương; người đại diện là Nguyễn Thị M; bên nhận chuyển nhượng là Hoàn Thị Y thửa đất số 6 tờ bản đồ 47 tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT; diện tích 240m², giá 20 triệu đồng;

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 16/4/2019, số 00005555, nội dung: ông Nghĩa, bà Thương ủy quyền cho Nguyễn Thị M được thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất số 6 và số 7, tờ bản đồ 47 tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT.

+ 01 Hợp đồng vay tiền, công chứng ngày 03/12/2019, số 024390, nội dung: Lê Thị H cho Nguyễn Thị M vay 600 triệu đồng + Phiếu yêu cầu công chứng đứng tên Lê Thị H;

+ 01 Hợp đồng thế chấp QSDĐ, công chứng ngày 03/12/2019, số 024389, nội dung: bên thế chấp là ông Nghĩa, bà Thương và Nguyễn Thị M thế chấp cho Lê Thị H quyền sử dụng thửa đất số 7 tờ bản đồ 47 tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT; diện tích 240m² để đảm bảo khoản vay 600 triệu đồng.

- 01 Biên bản thỏa thuận góp vốn ghi ngày 26/02/2019 tại Văn phòng Công ty cổ phần địa ốc City Land Đông Nam Bộ; giữa bên nhận tài sản góp vốn là ông Nguyễn Gia Đ - Thành viên HĐQT làm đại diện; bên góp vốn là Nguyễn Thị M, góp vốn cùng kinh doanh 300 triệu, giai đoạn 1 ngày 23/02/2018 là 100 triệu đồng; giai đoạn 2 ngày 26/02/2019 là 100 triệu đồng (bản chính);

+ 01 GCNQSDĐ số CP 75444988 đứng tên Đoàn Thị Nụ (bản photo);

01 giấy vay tiền (không ghi ngày), nội dung: Lê Thị H có vay ông Ngô 200 triệu đồng (bản photo).

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 18/12/2019, bên chuyển nhượng là Tôn Đức H, bên nhận chuyển nhượng là Võ Thành Đạt;

+ 01 Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 18/12/2019, bên chuyển nhượng là Tôn Đức H, bên nhận chuyển nhượng là Lê Thị H;

+ 01 Giấy ủy quyền đề ngày 18/4/2019, người vay tiền là Nguyễn Thị M, có ký tên, điểm chỉ mực đỏ;

+ 01 Giấy vay tiền đề ngày 14/6/2019 có ký tên, điểm chỉ mực đỏ tên Nguyễn Thị M;

+ 01 tờ giấy đề ngày 19/6/2019, nội dung đổi lại sổ thửa đất 233 tờ bản đồ 18 ấp Thủ Chánh, xã TT, CT lấy sổ cũ lô 29A block I48 phường TH, Bến Cát, Bình Dương, ký tên Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy ủy quyền đề ngày 17/4/2019 có ký tên, điểm chỉ Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy ủy quyền đề ngày 25/8/2019 có ký tên, điểm chỉ Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy vay tiền đề ngày 27/9/2019 có ký Nguyễn Thị M;

+ 01 Giấy ủy quyền (Hợp đồng vay) không ghi ngày tháng, thể hiện người vay Lê Thị H, người cho vay Trịnh Văn B, bà Hồng ủy quyền cho ông Bình 01 GCNQSDĐ thửa đất số 7, tờ bản đồ số 47 tại ấp 6, xã Nha Bích, huyện CT để vay số tiền 200 triệu đồng.

+ 01 tờ giấy ghi ngày 22/8/2019, thể hiện anh Ngô Văn C bán cho Nguyễn Thị M thửa đất tờ bản đồ 66 diện tích 12310,1; giá 4.300.000.000 đồng; ông Châu đã nhận tiền cọc 02 tỷ đồng; số còn lại hẹn tới ngày 27/8/2019 thanh toán số còn lại; có chữ ký, lấn tay của anh Châu và Minh;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 27/7/2019 (liên 2) thể hiện Nguyễn Thị H có nhận tiền cọc của Đỗ Văn CH và cam kết chuyển nhượng lô 68, thửa 15, tờ bản đồ 68 có GCNQSDĐ số 3K3462 cấp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; diện tích 300m²; giá 700 triệu đồng; nhận tiền ngày 27/7/2019 là 200 triệu đồng; có chữ ký của bà Hoàn và anh Chính.

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 12/9/2019, số 017507, nội dung: ông Ngô Văn C và bà Nguyễn Thị H3 ủy quyền cho ông Đinh Trọng H4 được thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66, tại ấp 1, xã MT, huyện CT, tỉnh BP;

+ 01 Văn bản thanh lý hợp đồng ủy quyền ghi ngày 03/11/2020, số công chứng 021680, thanh lý hợp đồng ủy quyền ngày 12/9/2019;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 03/11/2020, số công chứng 021681, nội dung: ông Châu, bà Hiền chuyển nhượng cho ông Huân thửa đất số 41, tờ bản đồ số 66, tại ấp 1, xã MT, huyện CT, tỉnh BP;

+ 01 GCNQSDĐ số BX 690015, số vào sổ CH-01944 do UBND huyện CT cấp ngày 30/11/2015 cho ông Ngô Văn C và sổ hộ khẩu của ông Đinh Trọng H4 và Nguyễn Thị H3.

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 20/7/2019 số 2513 có nội dung: Bà Trần Thị M ủy quyền cho Nguyễn Thị M được thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ 68 tại ấp 1 xã MT, huyện CT, tỉnh BP...;

+ 01 Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 22/7/2019, số 2518;

+ 01 Văn bản thỏa thuận công chứng ngày 22/7/2019, số 2520, nội dung: bà Măng chuyển nhượng cho Minh thửa đất 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, huyện CT, tỉnh BP (đất nằm trong quy hoạch giải tỏa đền bù) với giá 11.330.000.000 đồng, Minh thanh toán cho bà Măng đợt 1 500.000.000 đồng ngày 20/7/2019; đợt 2 1.500.000.000 đồng ngày 02/8/2019 và đợt 3 9.330.000.000 đồng ngày 05/9/2019 và ký HĐ sang nhượng hoặc ủy quyền tại VPCC...;

+ 01 Hợp đồng hủy bỏ văn bản thỏa thuận công chứng ngày 14/9/2019, số 3201;

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 14/9/2019, số 3202; nội dung: bà Măng chuyển nhượng thửa đất số 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m², tại ấp 01, xã MT, huyện CT cho ông Nguyễn Ngọc Th3 giá 11.330.000.000 đồng; kèm theo sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân 02 bên và Giấy chứng nhận QSDĐ số BK 346265;

+ 01 Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 14/9/2019, số 3203 có nội dung bà Măng ủy quyền cho ông Thao được thực hiện các quyền sử dụng đất đối với đất số 15, tờ bản đồ 68...

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 29/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng 02 phiếu có GCNQSDĐ số BK346265 cấp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; ký hiệu lô đất CS 03144, thửa 15 tờ bản đồ 68 diện tích 300m²; giá 700 triệu đồng; nhận tiền ngày 29/7/2019 là 200 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D;

+ 01 giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 30/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng GCNQSDĐ số BK346265 cấp ngày 5/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa 15 tờ bản đồ 68; diện tích 300m²; giá 700 triệu đồng; nhận tiền ngày 30/7/2019 là 200 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 14/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng thửa đất số 15, tờ bản đồ 68; diện tích 150m², GCNQSDĐ số BK346265 đứng tên Trần Thị M; giá 350 triệu đồng; nhận tiền ngày 14/8/2019 là 350 triệu đồng; có dòng chữ “xuống đứt luôn một nền luôn không cọc” có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 19/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Xuân Q; Minh cam kết chuyển nhượng thửa đất số 15, tờ bản đồ 68; diện tích 150m², GCNQSDĐ số BK346265 đứng tên Trần Thị M; giá 400 triệu đồng; nhận tiền ngày 19/8/2019 là 100 triệu đồng; có dòng chữ “xuống đứt luôn một nền luôn không cọc” có chữ ký của Minh, Quảng và người làm chứng Phạm Văn D.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 29/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Phương TR; Minh cam kết chuyển nhượng thửa 15 tờ bản đồ 68, diện tích 29817,3m² (02 phiếu); giá 820 triệu đồng; nhận tiền ngày 23/7/2019 là 100 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Trà;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 29/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Nguyễn Phương TR; Minh cam kết chuyển nhượng thửa 15 tờ bản đồ 68,

diện tích 29817,3m² (02 phiếu); giá 760 triệu đồng; nhận tiền ngày 29/7/2019 là 100 triệu đồng; 30/7/2019 nhận 100 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Trà.

+ 01 giấy hẹn nợ “Hợp đồng bán đất” có nội dung Minh bán cho anh Trà 04 nền TĐC becamex, anh Trà đã đặt cọc tổng số tiền 300 triệu đồng...hẹn ngày công chứng là 05/9/2019 nhưng Minh không ký được công chứng, thỏa thuận 30/9/2019 Minh hoàn trả lại cho anh Trà 300 triệu đồng.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc không ghi ngày; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Đỗ Văn CH; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944 cấp ngày 30/11/2015 đứng tên Ngô Văn C; thửa đất số 41, tờ bản đồ 66, diện tích: 12310,1m² (01 phiếu 5x30=150m²); giá 370 triệu đồng; nhận tiền ngày 03/8/2019 là 100 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Chính và người làm chứng Nguyễn Xuân Q;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc ghi ngày 01/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Đỗ Văn CH; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944 cấp ngày 30/11/2015 đứng tên Ngô Văn C; thửa đất số 41, tờ bản đồ 66, diện tích: 02 phiếu (5x30); giá 740 triệu; nhận tiền ngày 01/8/2019 là 150 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Chính và người làm chứng Phạm Văn D. Mặt sau có ghi chữ viết tay “ngày 12/08/2019. Do bên chủ gặp trục trặc nên xin dời lại ngày ký đến ngày 14/8/2019. Nếu đến hết ngày 14/8/2019 bên bán không hoàn thành thủ tục chứng được thì bên bán phải chịu trách nhiệm theo hợp đồng cọc” – chữ ký và tên Nguyễn Thị M.

+ 01 “Giấy cam kết thanh toán tiền” có nội dung Minh có nhận của anh Chính tiền cọc 04 phiếu TĐC Becamex CT; số tiền cọc 350 triệu đồng..., thỏa thuận trả lại 350 triệu đồng tiền cọc và bồi thường 200 triệu đồng tiền cọc; cam kết trả lại hết vào ngày 28/9/2019; người cam kết Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị H.

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 11/7/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Bùi Văn Th; Minh cam kết chuyển nhượng thửa đất có GCNQSDĐ số CH 01781 cấp ngày 03/9/2015; thửa đất số 18, tờ bản đồ 68, diện tích: 02 phiếu=300m² tại ấp 01, xã MT, huyện CT, tỉnh BP; giá 860 triệu; nhận tiền ngày 11/7/2019 là 80 triệu; có chữ ký của Minh, Thành và dòng chữ “cọc chết”;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 08/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Bùi Văn Th; Minh cam kết chuyển nhượng thửa đất có GCNQSDĐ số CH 01944 cấp ngày 30/11/2015 đứng tên Ngô Văn C; thửa đất số 41, tờ bản đồ 66, diện tích: 01 phiếu=150m² tại ấp 01, xã MT, huyện CT, tỉnh BP; giá 430 triệu; nhận tiền ngày 08/8/2019 là 50 triệu; có chữ ký của Minh, Thành.

+ 01 “Giấy cam kết” ghi ngày 20/9/2019, có nội dung: ngày 11/7/2019 Minh có bán cho Thành 03 lô đất tổng diện tích 450m²: Thửa 18, tờ bản đồ 68 (02 phiếu); thửa 41 tờ bản đồ 66 (01 phiếu), tổng tiền cọc như trong giấy cọc. Minh cam kết bàn giao 03 lô đất trên cho Thành ký bàn giao tại Phòng công chứng CT ngày 05/10/2019...;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 04/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Lê Văn T1; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ BK346265 cấp ngày 05/7/2019; thửa đất số 15, tờ bản đồ 68, diện tích 150m² TĐC Becamex BP; giá 380 triệu đồng; nhận tiền ngày 04/8/2019 là 150 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Tuấn và người làm chứng Phạm Văn D;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 14/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Lê Văn T1; Minh cam kết chuyển nhượng thửa GCNQSDĐ CH 01944, tờ bản đồ 66, diện tích: 600m² tại ấp 01, xã MT, CT; giá 1,4 tỷ đồng; nhận lần 1 ngày 14/8/2019 là 400 triệu đồng; có chữ ký của Minh và Tuấn;

+ 01 “Giấy xin đền cọc” ghi ngày 10/9/2019, có nội dung: Minh có bán cho Tuấn 03 nền đất tại ấp 01, xã MT, huyện CT, ngày 05/9/2019 phải công chứng tại VPCC CT nhưng Minh không có đất để sang tên công chứng 03 nền đất trên nên Minh xin trả lại tiền cọc 400 triệu đồng – Lê Sỹ L 01 nền, Tuấn 02 nền...có chữ ký của Minh, người làm chứng Ngô Thị H7 và người bảo lãnh trả số tiền trên là Nguyễn Thị H (mẹ Minh); mặt bên cạnh tờ giấy có ghi nội dung ngày 10/10/2019 Minh trả cho Lực 200 triệu đồng, còn lại 200 triệu đồng thanh toán nốt ngày 18/10/2019...

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 06/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Lê Sỹ L; Minh cam kết chuyển nhượng thửa số BK 346-15, tờ bản đồ số 68, 01 lô 5x30m =150m² TDDC Becamex CT, BP; nhận lần 1 ngày 06/8/2019 là 150 triệu đồng; có chữ ký của Min, Lực, người làm chứng Phạm Văn D;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 04/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 06 phiếu của GCNQSDĐ CH00977 cấp ngày 05/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa đất số 15, tờ bản đồ 68 tại 01, xã MT, huyện CT; diện tích 900m²; giá 2.220.000.000 đồng; nhận tiền ngày 04/8/2019 là 200 triệu đồng; lần 2 ngày 05/8/2019 là 320 triệu đồng...có chữ ký của Minh và Hà;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 05/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 02 phiếu của GCNQSDĐ CH00977 cấp ngày 05/7/2019 đứng tên Trần Thị M; thửa đất số 15, tờ bản đồ 08 tại 01, xã MT, huyện CT; diện tích 300m²; giá 740.000.000 đồng; nhận tiền ngày 05/8/2019 là 300 triệu đồng...có chữ ký của Minh, Hà và người làm chứng Hoàng Thị T2;

+ 01 Giấy biên nhận đặt cọc ghi ngày 09/8/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 02 phiếu của GCNQSDĐ CH01781 cấp ngày 03/9/2015; thửa đất số 18, tờ bản đồ 68 tại 01, xã MT, CT; diện tích 300m²; giá 700.000.000 đồng; nhận tiền ngày 09/8/2019 là 200 triệu đồng; ...có chữ ký của Minh và Hà;

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 17/11/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Hoàng Thị T2; Minh cam kết chuyển nhượng 01 nền TĐC Becamex, tờ bản đồ Bloc AB3, diện tích: 150m² tại ấp 04, xã MT, huyện CT (Bùi Thị Hồng Linh, SN 1992 tại Hòa Bình ký chuyển nhượng sang cho Tươi); giá 600 triệu đồng, nhận lần 1 ngày 17/11/2019 là 600 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Tươi và người làm chứng Lê Công Thảo.

+ 01 Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ghi ngày 17/11/2019; bên bán Nguyễn Thị M, bên mua Phạm Thị Mai H1; Minh cam kết chuyển nhượng 01 nền TĐC Becamex, tờ bản đồ Bloc AB3, diện tích: 150m² đường N13B tại ấp 04, xã MT, CT (Bùi Thị Hồng Linh, SN 1992 tại Hòa Bình ký chuyển nhượng sang cho Hà); giá 600 triệu đồng, nhận lần 1 ngày 17/11/2019 là 600 triệu đồng; có chữ ký của Minh, Hà và người làm chứng Lê Công Thảo.

+ 01 “Phiếu thu” ghi ngày 04/9/2019 của Công ty Đầu tư và phát triển địa ốc Đại Dương; địa chỉ: phường MP, thị xã BC, BP (có đóng dấu mộc treo của công ty), nội dung: Thu tiền đất Becamex BP của Phạm Thị Mai H1 số tiền 1,5 tỷ đồng; người nộp tiền Phạm Thị Mai H1; người lập phiếu – Kế toán trưởng Nguyễn Thị M - đóng dấu mộc đỏ “Đã thu tiền” và đóng dấu mộc của Công ty ở mục Tổng giám đốc (không có chữ ký);

+ 01 “Giấy mượn tiền” ghi ngày 07/9/2019, có nội dung: Minh có mượn của Phạm Thị Mai H1 và Hoàng Thị T2 số tiền 2.520.000.000 đồng....

+ 01 “Giấy xác nhận nợ” ghi ngày 29/9/2019, nội dung: Minh xác định còn nợ bà Hà và Tươi tổng số tiền 2.340.000.000 đồng....

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 02/7/2020 tại VPCC GK, số 00008476, nội dung: Bên chuyển nhượng là Trần Thị M, người đại diện là Nguyễn Ngọc Th3, chuyển nhượng cho ông Trương Quang Hồ thửa đất số 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, huyện CT, GCNQSDĐ BK 346265, sổ vào sổ CS 03144;

+ 01 Giấy ủy quyền công chứng ngày 02/7/2020 tại VPCC GK, số 00008478, nội dung: ông Trương Quang Hồ ủy quyền cho bà Lê Thị Thu Hà được thay mặt ông Hồ liên hệ các cơ quan chức năng hoàn tất thủ tục kê khai, nộp thuế.... đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ 68; diện tích 29817,3m² tại ấp 01, xã MT, huyện CT (không có chữ ký của người được ủy quyền);

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động I phone 8 plus màu hồng, số sim 0702223332, số IMEI: 352978090304818 (số lượng, đặc điểm, chủng loại, tình trạng vật chứng được ghi tại Quyết định chuyển vật chứng số 74/QĐ-VKS-P1 ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BP (BL số 659).

5. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 120.900.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

ơi nhận:

- TANDCC, VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh BP;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- LS bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- CQĐT, PV 06 CA tỉnh BP;
- Cục THADS tỉnh BP;
- Sở Tư pháp tỉnh BP;
- Trại tạm giam CA tỉnh BP;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Quý Chi